

PHỤ LỤC 02
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT SỐ 5 - GIÁ ĐẤT Ở
TẠI CÁC THỊ TRẤN

(Kèm theo Quyết định số 28./2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2025
của UBND tỉnh)

I. ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở ĐỐI VỚI CÁC THỊ TRẤN

1. Điều chỉnh giá đất ở tại Thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm (tại mục 4, điểm 1, tiết a) như sau:

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên đường, tên xã	Tên khu vực, đường, phố và ranh giới khu vực giá	Giá đất
1	Tại các trục đường tỉnh		
a	Đường ĐT495	Đoạn từ xã Thanh Hà đến giáp xã Thanh Lưu cũ	
		Vị trí tại xứ đồng: Mạ Quan Ngoài; Làn Xì – Tổ dân phố Lã; Mạ Đầu Chùa – Tổ dân phố Lãm	6.000
		Vị trí tại xứ đồng: Mạ Nền Đình; Mả Vũ - Tổ dân phố Ninh Tảo; Dọc Nàng – Tổ dân phố Lã	6.000

2. Điều chỉnh giá đất ở tại Thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm (tại mục 4, điểm 4, tiết 4.1, tiết 4.2) như sau:

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên khu vực, vị trí, đường, phố và ranh giới khu vực giá	Giá đất
4	Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt như sau	
4.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên (Vị trí tại xứ đồng: Cánh Buồm; Đồng Nội và Dọc Nàng – Tổ dân phố Lã; Mả Vũ – Tổ dân phố Ninh Tảo)	5.000
4.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét (Vị trí tại xứ đồng: Cánh Buồm; Đồng Nội và Dọc Nàng – Tổ dân phố Lã; Mả Vũ – Tổ dân phố Ninh Tảo)	4.000

II. BỔ SUNG GIÁ ĐẤT Ở ĐỐI VỚI CÁC THỊ TRẤN

1. Bổ sung giá đất ở tại Thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân (mục 6, điểm C- Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt) như sau:

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên khu vực, vị trí, đường, phố và ranh giới khu vực giá	Giá đất
5	Đường Trung tâm hành chính mới xây dựng (rộng 30 mét)	
	Đoạn đường từ thửa 2 tờ 13 đến thửa 478 tờ 3	8.230

2. Bổ sung giá đất ở tại Thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục (mục 5, điểm D) như sau:

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên khu vực, vị trí, đường, phố và ranh giới khu vực giá	Giá đất
D	Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt như sau	
	Vị trí phía đông thị trấn	
1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	6.500
2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	5.800
3	Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	5.100
4	Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	4.900
	Vị trí phía Nam thị trấn	
1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	6.300
2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	5.600
3	Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	4.900
4	Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	4.700